TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HS-ST
Ngày 29- 01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Xuân Huế.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Quốc Hùng.
2. Ông Lê Quang Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thuỷ tham gia phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã Hương Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2018/TLST-HS ngày 27/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 04/01/2019, đối với các bị cáo:

1. **Trần Quang T** (Tên gọi khác: K), sinh ngày 19/11/1989 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, thị xã H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Phật giáo, quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần D (Đã chết) và bà Phạm Thị Y (Đã chết); có vợ tên Trần Thị Hồng L và 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 16/9/2017, tạm giam từ 19/9/2017 đến ngày 05/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

2. **Trần Duy H**, sinh ngày 07/02/1987 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số 128 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy Đ và bà Trần Thị R; có vợ tên Lê Thị T và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/9/2017 đến ngày 19/9/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

3. **Ngô Tá S**, sinh ngày 07/12/1988 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số 32/33 đường A, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Phật giáo, quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Tá B (Đã chết) và bà Lê Thị T, có vợ tên Trần Thị Phương N và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (Theo bản án số 79/2012/HS-PT ngày 25/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế); bị bắt

tạm giữ ngày 16/9/2017, tạm giam từ ngày 19/9/2017 đến ngày 27/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

4. **Lê Viết Thành T**, sinh ngày 21/02/1977 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số 11/43 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết T và bà Hồ Thị B, có vợ tên Đào Thị Đ và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/9/2017 đến ngày 19/9/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

5. **Nguyễn Lương Quang H**, sinh ngày 25/4/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lương H và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 16/9/2017, tạm giam từ 19/9/2017 cho đến ngày 27/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

6. **Nguyễn Nhật T,** sinh ngày 18/6/1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị M; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 16/9/2017, tạm giam từ ngày 19/9/2017 cho đến ngày 20/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

7. **Lê Văn Đ (**Tên gọi khác: C), sinh ngày 10/4/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, thị xã H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị M; có vợ tên Trần Thị L và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

8. **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 07/6/1991 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số 16/7 đường T, phường X, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (Chết) và bà Lê Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

9. **Doãn Đức D**, sinh ngày 27/8/1990 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Đội 4, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Phật giáo, quốc tịch: Việt Nam; con ông Doãn Đức N và bà Nguyễn Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 16/9/2017, tạm giam từ ngày 19/9/2017 đến ngày 05/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

10. **Trần Phước Huy**, sinh ngày 08/10/1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 43/42 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh T; chổ ở hiện nay: Xóm 4, thôn N, xã P, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt

Nam; con ông Trần C (chết) và bà Hà Thị N; có vợ tên Huỳnh Thị P và 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 16/9/2017; tạm giam từ ngày 19/9/2017 đến ngày 20/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Đến ngày 15/10/2018 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay. Có mặt.

11. **Nguyễn Việt A,** sinh ngày 02/01/1985 tại tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Số 35 đường T, phường T, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình N (Chết) và bà Lê Thị K; có vợ tên Nguyễn Thị Hồng V và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2010, bị Công an thành phố Huế xử phạt hành chính với số tiền 500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc"; Bị bắt tạm giữ ngày 16/9/2017, tạm giam từ ngày 19/9/2017 đến ngày 20/10/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

12. **Nguyễn T, s**inh ngày 12/4/1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 03, phường P, thị xã H, tỉnh T; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Thiên Chúa Giáo, quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn L và bà Huỳnh Thị S, có vợ tên Nguyễn Thị Cửu H và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

13. **Lê Quang T**, sinh ngày 07/11/1987 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Xóm 6, thôn L, xã P, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Phật giáo, quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T và bà Hồ Thị G; có vợ tên Lê Thị Thúy N và chưa có con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Có mặt.

14. **Lê Minh T**, sinh ngày 18/05/1977 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Phật giáo, quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Phương D; có vợ tên Nguyễn Thị H và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T: Ông Trần Nhật N- Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên N và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Số 52, đường H, phường X, thành phố H, tỉnh T. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty cổ phần TAXI TC H; Trụ sở: Lô C54 khu đô thị mới An Cựu, phường A, thành phố H, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khoa C, chức vụ: Thanh tra pháp chế Công ty cổ phần TAXI TC H. Ông C có mặt.

2. Bà Hà Thị X, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số 30/17 đường Đ, phường P, thị xã H, tỉnh T. Có mặt.

3. Chị Lê Thị T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số 128 đường T, phường T, thành

phố H, tỉnh T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Lê Văn N, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 16/9/2017, Trần Quang T, Lê Minh T và Nguyễn Thanh T đến quán cà phê X của bà Hà Thị X ở Tổ 9, phường P, thị xã H để uống cà phê. Tại đây, Trần Quang T lấy máy tính bảng hiệu Huawei và mở trò chơi Tài Xỉu có sẵn trong máy tính bảng để đánh bạc được thua bằng tiền. Trần Quang T làm cái còn Lê Minh T và Nguyễn Thanh T tham gia đặt cược. Cả ba đánh bạc một lúc thì có nhiều người khác đến tham gia đánh bạc gồm: Ngô Tá S, Doãn Đức D, Lê Viết Thành T, Trần Duy H, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn Việt A, Trần Phước H, Nguyễn Nhật T, Lê Quang T, Lê Văn Đ và Nguyễn T. Quá trình chơi, Trần Quang T và Trần Duy H thay nhau làm cái, còn những người khác đặt cược. Bị cáo Lê Minh T tham gia đánh bạc được một thời gian thì rời khỏi chiếu bạc.

Đến khoảng 17 giờ 45 phút ngày 16/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thuỷ bắt quả tang Trần Quang T, Lê Viết Thành T, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn T, Nguyễn Nhật T, Lê Văn Đ, Nguyễn Thanh T, Trần Duy H, Doãn Đức D, Trần Phước H, Lê Quang T, Ngô Tá S và Nguyễn Việt A đang chơi đánh bạc bằng hình thức Tài xỉu trên máy tính bảng và đã thu giữ tại chiếc bạc các vật chứng sau:

+ Số tiền 18.094.000đ.

+ 02 máy tính bảng hiệu Huawei màu trắng xám.

+ 01 cục sạc dự phòng của Nguyễn Thanh T.

+ 01 dây sạc màu trắng của Nguyễn Thanh T.

+ 01 ví da màu nâu của Lê Văn Đ.

+ 01 ví da màu đen của Trần Quang T.

Cách thức chơi tài xỉu trên máy tính bảng hiệu Huawei như sau: Trò chơi Tài xỉu được Trần Quang T tải về trên máy tính bảng, sau khi mở máy tính và mở file trò chơi Tài xỉu, người cầm cái bấm vào nút xóc ở trên máy tính thì máy tính tự chạy để xóc còn những người khác tham gia đặt cược, đến khi mọi người đặt cược xong thì người cầm cái bấm vào nút mở để xác định thắng thua.

Cách xác định thắng thua như sau: Khi người cầm cái bấm nút mở nếu trên chén của máy tính xúc sắc có tổng số từ 01 đến 10 thì gọi là "Xỉu", nếu xúc sắc có tổng số từ 11 đến 18 thì gọi là "Tài". Theo đó, người chơi sẽ đặt tiền cược vào các bên "Tài", "Xỉu" để tính thắng thua. Tỷ lệ thắng thua trong một ván bạc là một ăn một.

Ngoài các vật chứng thu giữ tại chiếu bạc, Cơ quan điều tra còn thu giữ các vật chứng sau:

+ Thu giữ các xe ô tô biển kiểm soát sau: Xe ôtô BKS 75A-05900; Xe ôtô BKS 75A-06667; Xe ô tô BKS 75A-08385; Xe ôtô BKS 75A-08349; Xe ôtô BKS 75A-07203; Xe ôtô BKS 75A-07515; Xe ôtô BKS 75A-08517; Xe ôtô BKS 75A-05804; Xe ô tô BKS 75A-09522.

+ Thu giữ trong người các bị cáo số tiền như sau: Nguyễn Thanh T số tiền 520.000đ; Nguyễn Việt A số tiền 500.000đ; Doãn Đức D số tiền 25.000đ; Lê Viết Thành T số tiền 1.900.000đ; Trần Duy H số tiền 3.000.000đ; Nguyễn T số tiền 830.000đ; Ngô Tá S số tiền 1.000.000đ; Nguyễn Nhật T số tiền 40.000đ; Trần Phước H số tiền 150.000đ; Lê Quang T số tiền 50.000đ

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-HTh ngày 24/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố các bị cáo: Lê Minh T, Trần Quang T, Lê Viết Thành T, Ngô Tá S, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn T, Nguyễn Nhật T, Lê Văn Đ, Nguyễn Thanh T, Trần Duy H, Doãn Đức D, Trần Phước H, Nguyễn Việt A và Lê Quang T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, tuyên bố các bị cáo Lê Minh T, Trần Quang T, Lê Viết Thành T, Ngô Tá S, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn T, Nguyễn Nhật T, Lê Văn Đ, Nguyễn Thanh T, Trần Duy H, Doãn Đức D, Trần Phước H, Nguyễn Việt A và Lê Quang T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật và xử phạt các bị cáo như sau:

- Bị cáo Trần Quang T: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Quang T từ 05 tháng đến 06 tháng tù; phạt bổ sung số tiền từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ.

- Bị cáo Trần Phước H: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Phước H từ 03 tháng đến 04 tháng tù; phạt bổ sung số tiền từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ.

- Bị cáo Lê Viết Thành T: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Viết Thành T từ 05 tháng đến 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Phạt bổ sung số tiền từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ.

- Bị cáo Trần Duy H: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Duy H từ 04 tháng đến 05 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Phạt bổ sung số tiền từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ.

- Bị cáo Ngô Tá S: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Ngô

Tá S từ 04 tháng đến 05 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Phạt bổ sung số tiền từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Lương Quang H: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Lương Quang H 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Nhật T: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng.

- Bị cáo Lê Văn Đ: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T: Áp dụng khoản 1 Điều 248, Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

- Bị cáo Nguyễn T: Áp dụng khoản 1 Điều 248, Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

- Bị cáo Nguyễn Việt A: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền từ 08 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

- Bị cáo Doãn Đức D: Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền từ 08 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

- Bị cáo Lê Quang T: Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền từ 08 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

- Bị cáo Lê Minh T: Áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 35 Bộ luật hình sự; 2015 điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 22.609.000đ.

- Trả lại hai máy tính bảng hiệu Huawei thu giữ của Doãn Đức D và Trần Quang T cho Công ty cổ phần Taxi TC H; Trả lại 01 ví da màu nâu cho bị cáo Lê Văn Đ và 01 ví da màu đen cho bị cáo Trần Quang T; Trả lại cho bị cáo Trần Duy H số tiền 3.000.000đ, bị cáo Nguyễn Việt A số tiền 500.000đ. Tịch thu hóa giá sung Ngân

sách Nhà nước 01 cục sạc dự phòng màu vàng và 01 dây sạc màu trắng của Nguyễn Thanh T;

* Lời khai và lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Lê Minh T: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không có căn cứ. Vào khoảng 14 giờ ngày 16/9/2017 bị cáo có đến quán X để ăn mì tôm và ngồi cùng bàn với Lê Văn N, sau khi ăn xong bị cáo ra xe Taxi của bị cáo để nghĩ ngơi, đến khoảng 16 giờ 30 phút thì bị cáo vào lại Sân Bay P đón khách, bị cáo không tham gia đánh bạc, lời khai của các bị cáo khác đối với bị cáo là không đúng, bị cáo không thừa nhận. Giữa bị cáo với các bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Lương Quang H và Lê Viết Thành T, Lê Quang T không có mâu thuẫn gì. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xử công bằng cho bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Trần Quang T: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo cùng với Lê Minh T, Nguyễn Thanh T là những người đánh bạc đầu tiên; bị cáo làm cái còn Lê Minh T, Nguyễn Thanh T tham gia đánh tài, xỉu. Khi đánh bạc bị cáo Lê Minh T ngồi đối diện với bị cáo hướng mặt ra Quốc lộ 1A; chơi được một lúc thì có nhiều người đến chơi, sau đó Trần Duy H làm cái. Sau khi đánh bạc được một thời gian thì Lê Minh T về trước. Bị cáo đem theo số tiền 8.200.000đ để đánh bạc. Lúc đầu bị cáo lấy ra 200.000đ để chơi, còn lại số tiền 8.000.000đ để trong ví da, số tiền này bị cáo sẽ sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo đánh thắng số tiền 300.000đ. Toàn bộ số tiền 8.200.000đ và số tiền 300.000đ bị cáo đánh thắng đều nằm ở trong ví da và bị cáo đang cầm trên tay. Khi Công an bắt quả tang thì chiếc ví bị rớt ngay tại vị trí đánh bạc, trong ví có số tiền 8.500.000đ. Bị cáo đã biết ăn năn hối cải nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T: Bị cáo tham gia đánh bạc từ đầu cùng với Lê Minh T, Trần Quang T, Lê Minh T ngồi đối diện Trần Quang T, mặt hướng ra đường Quốc lộ 1A, số tiền lúc đầu đánh bạc là 200.000đ. Đánh được 1 lúc thì bị cáo chở khách lên Bình Điền. Khi bị cáo quay trở lại đánh tiếp thì có số tiền 500.000đ; bị cáo đánh thắng, khi bị bắt quả tang thu giữ 520.000đ. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Trần Duy H: Bị cáo mang theo số tiền 3.500.000đ. Khi thấy có đánh Tài xỉu thì bị cáo có tham gia và có làm cái. Tại thời điểm bắt quả tang bị cáo đang làm cái. Bị cáo sử dụng số tiền 500.000đ để đánh bạc, còn số tiền 3.000.000đ là tiền do vợ của bị cáo đưa để đóng tiền học cho con. Bị cáo không sử dụng tiền này để đánh bạc. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Lê Viết Thành T: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo sử dụng số tiền đem theo là 1.450.000đ để đánh bạc, khi bị bắt quả tang bị thu giữ trong người số tiền 1.900.000đ là do bị cáo thắng bạc. Đây là số tiền bị cáo dùng để đánh bạc. Bị cáo có thấy Lê Minh T tham gia đặt tiền để đánh bạc. Sau đó T rời khỏi nơi đánh bạc trước khi bị bắt quả tang. Bị cáo biết lỗi lầm của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Ngô Tá S: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo mang theo số tiền 1.000.000đ để đánh bạc. Khi đến chiếu bạc có nhìn thấy Lê Minh T tại chiếu bạc. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Lương Quang H: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo mang theo 960.000đ để đánh bạc. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn T: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đến đánh bạc vào lúc khoảng 17 giờ 35 phút, bị cáo sử dụng số tiền 850.000đ để đánh bạc; Bị cáo chỉ mới đánh 01 ván, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Nhật T: Bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền 890.000đ, đánh thua còn lại 40.000đ bị Công an tạm giữ. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Lê Văn Đ khai: Bị cáo đánh bạc với số tiền 800.000đ, đánh thua còn lại 704.000đ bị thu giữ. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Doãn Đức D khai: Bị cáo đến tham gia đánh bạc lúc 17 giờ, bị cáo dùng số tiền 325.000đ để đánh bạc, đánh thua còn lại 25.000đ cho đến khi bị bắt quả tang. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Trần Phước H khai: Bị cáo đến tham gia đánh bạc và dùng số tiền 300.000đ để đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Lê Quang T khai: Bị cáo tham gia đánh bạc cùng với Lê Minh T, Nguyễn Thanh T và một số người khác, bị cáo đánh bạc với với số tiền 200.000đ, đánh thua hết còn lại 50.000đ bị thu giữ. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Việt A khai: Khi đến quán X thấy có Trần Quang T đang cầm cái có Nguyễn Thanh T, Lê Minh T đang ngồi cùng. Bị cáo nhìn thấy T có tham gia đánh bạc còn Lê Minh T có đánh hay không không rõ, bị cáo vào ngồi giữa Lê Minh T và T. Bị cáo đánh khoảng 2 ván thì đi chở khách sau đó quay trở lại và đánh cho đến khi bị bắt quả tang.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T: Chưa có đủ căn cứ thuyết phục kết luận bị cáo Lê Minh T về tội " Đánh bạc", vì lời khai của các bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Lương Quang H và Lê Quang T sử dụng để buộc tội bị cáo Lê Minh T không rõ ràng nên không thể sử dụng làm chứng cứ buộc tội. Về tang số của vụ án, Viện kiểm sát xác định số tiền bị cáo Lê Minh T đánh bạc là 11.010.000đ nhưng số tiền này là của các bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Lương Quang H và Lê Quang T, không có tiền của bị cáo Lê Minh T. Giả sử bị cáo Lê Minh T có tham gia đánh bạc số tiền 01 ván từ 10 nghìn đến 20 nghìn đồng thì phải xác định số tiền của Lê Minh T tham gia đánh bạc là bao nhiêu để xác định trách nhiệm của bị cáo Lê Minh T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Minh T không cấu thành tội "Đánh bạc" theo Cáo trạng số 04/CT-VKS-HTh ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy và hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Lê Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đối với việc thu thập chứng cứ tại thời điểm bắt người phạm tội quả tang, không có niêm phong, không mô tả thực trạng vật chứng là vi phạm Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Tuy nhiên, nếu trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung thì cũng không thể khắc phục được, mặc dù việc thu thập chứng cứ có vi phạm tố tụng nhưng không ảnh hưởng đến sự thật khách quan của vụ án. Sau khi thu giữ vật chứng Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản kiểm tra đối với vật chứng thu thập được. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố có thiếu chứng cứ và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Tòa án đã 02 lần trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung.

Đối với việc bị cáo Lê Minh T khiếu nại, tố cáo hành vi của Kiểm sát viên Đỗ Ngọc Thảo đã được Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy giải quyết theo thẩm quyền tại Quyết định giải quyết tố cáo số 413/QĐ-VKS-KC ngày 30/10/2018.

[2]. Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Khoảng 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 45 phút ngày 16/9/2017, tại quán cà phê X của bà Hà Thị X thuộc tổ 9, phường P, thị xã H, tỉnh T các bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T, Ngô Tá S, Doãn Đức D, Lê Viết Thành T, Trần Duy H, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn Việt A, Trần Phước H, Nguyễn Nhật T, Lê Quang T, Lê Văn Đ và Nguyễn T đã có hành vi đánh bạc với nhau dưới hình thức chơi Tài xỉu được thua bằng tiền trên máy tính bảng hiệu HuaWei. Tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc 18.094.000đ, thu giữ trong người các bị cáo là 8.015.000đ.

[3]. Xét số tiền đã dùng và sẽ dùng vào việc đánh bạc, Hội đồng xét xử thấy: Đối với số tiền thu giữ tại chiếu bạc 18.094.000đ, trong đó có 8.500.000đ trong ví da của bị cáo Trần Quang T và 704.000đ trong ví da của bị cáo Lê Văn Đ và số tiền thu giữ trong người của các bị cáo Nguyễn Thanh T 520.000đ; Doãn Đức D số tiền 25.000đ; Lê Viết Thành T số tiền 1.900.000đ; Nguyễn T số tiền 830.000đ; Ngô Tá S số tiền 1.000.000đ; Nguyễn Nhật T số tiền 40.000đ; Trần Phước H số tiền 150.000đ; Lê Quang T số tiền 50.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các đều thừa nhận toàn bộ số tiền thu giữ trong ví da và trong người của các bị cáo nói trên đã và sẽ sử dụng để đánh bạc. Lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là do bị cáo khai, không bị bức cung, ép cung, nhục hình, phù hợp với các chứng cứ khác nên có giá trị pháp lý, là nguồn chứng cứ để xem xét, đánh giá hành vi của chính các bị cáo và những bị cáo khác. Do đó, có cơ sở xác định số tiền trên các bị cáo đã và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc.

Đối với số tiền 500.000đ thu giữ của bị cáo Việt A và 3.000.000đ thu giữ của bị cáo Trần Duy H, các bị cáo đều khai số tiền này không sử dụng vào việc đánh bạc và dùng vào mục đích khác. Hội đồng xét xử xét thấy, qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi, tranh luận đã xác định số tiền 3.000.000đ là tiền do chị Lê Thị T (vợ của bị cáo H) đưa cho bị cáo nộp học cho con, không có căn cứ để cho rằng bị cáo H sẽ dùng số tiền này vào việc đánh bạc. Đối với số tiền 500.000đ đã thu giữ của bị cáo Việt A, không có căn cứ xác định đã và sẽ dùng vào việc đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử không xác định số tiền 500.000đ thu giữ của bị cáo Việt A và 3.000.000đ thu giữ của bị cáo Trần Duy H là số tiền sẽ dùng vào việc đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T, Ngô Tá S, Doãn Đức D, Lê Viết Thành T, Trần Duy H, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn Việt A, Trần Phước H, Nguyễn Nhật T, Lê Quang T, Lê Văn Đ và Nguyễn T đã dùng để và sẽ dùng vào việc đánh bạc với nhau là 22.609.000đ (Trong đó: Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 18.094.000đ, thu giữ trong người các bị cáo là 4.515.000đ).

Với hành vi đánh bạc được thua bằng tiền là 22.609.000đ, các bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T, Ngô Tá S, Doãn Đức D, Lê Viết Thành T, Trần Duy H, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn Việt A, Trần Phước H, Nguyễn Nhật T, Lê Quang T, Lê Văn Đ và Nguyễn T đã phạm vào tội " Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng số 04/CT-VKS-HTh ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4]. Đối với bị cáo Lê Minh T quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T cho rằng quá trình điều tra, truy tố chưa có những tài liệu, chứng cứ trực tiếp chứng minh bị cáo Lê Minh T tham gia đánh bạc nên dựa vào nguyên tắc "Suy đoán vô tội" được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tuyên bị cáo Lê Minh T không phạm tội "Đánh bạc".

Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lê Minh T chỉ thừa nhận có vào quán cà phê X để ăn mì tôm; chứ không tham gia đánh bạc. Tuy nhiên, lời khai của các bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T khai tại giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa đều khẳng định đã trực tiếp đánh bạc cùng với bị cáo Lê Minh T và lúc đầu đánh bạc chỉ có 03 người với nhau. Xét lời khai của bị cáo Trần Quang T và Nguyễn Thanh T phù hợp với nhau về việc Lê Minh T tham gia đánh bạc, vị trí ngồi tại chiếu bạc của Lê Minh T, trực tiếp nhìn thấy Lê Minh T đặt tiền để đánh bạc, mỗi ván từ 10 nghìn đồng đến 20 nghìn đồng. Lời khai của các bị cáo tham gia sau là Lê Quang T; Lê Viết Thành T; Nguyễn Lương Quang H đều khẳng định bị cáo Lê Minh T có tham gia đánh bạc, trực tiếp đánh bạc cùng với T, T, H. Lời khai của các bị cáo này phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T về vị trí ngồi của Lê Minh T tại chiếu bạc. Ngoài ra, có một số bị cáo khác như Nguyễn Tá S, Nguyễn Việt A đều khẳng định bị cáo Lê Minh T có mặt tại chiếu bạc. Công văn số 138/CV-TCĐ ngày 20/6/2018 của Công ty cổ phần Taxi TC H về việc Cung cấp dữ liệu, lộ trình xe Taxi biển số 75A-05708 thì xe Taxi bị cáo Lê Minh T điều khiển dừng đỗ ở đường Quốc lộ 1A, phía trước đường đi vào Sân bay Quốc Tế

P từ lúc 13 giờ 03 phút đến 16 giờ 49 phút ngày 16/9/2017, là vị trí gần với quán X, phù hợp với khoảng thời gian đang diễn ra việc đánh bạc tại đây.

Xét thấy, bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T, Lê Quang T; Lê Viết Thành T; Nguyễn Lương Quang H đều không có mâu thuẫn, thù oán gì với bị cáo Lê Minh T, bị cáo Lê Minh T cũng khẳng định giữa bị cáo Lê Minh T và các bị cáo này từ trước tới nay không có mâu thuẫn gì. Lời khai của các bị cáo này là phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở khẳng định bị cáo Lê Minh T có tham gia đánh bạc bằng hình thức "Tài Xỉu" vào khoảng 13 giờ 30 ngày 16/9/2017, tại quán cà phê X của bà Hà Thị X thuộc tổ 9, phường P, thị xã H và tham gia từ đầu cùng với các bị cáo Trần Quang T, bị cáo Nguyễn Thanh T, chiếu bạc kéo dài, liên tục cho đến khi bị bắt quả tang.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố bị cáo Lê Minh T về tội "Đánh bạc" theo quy định định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 với số tiền dùng để đánh bạc là 11.010.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Lê Minh T tham gia đánh bạc từ đầu và cùng đánh với Trần Quang T và Nguyễn Thanh T. Tại thời điểm này, số tiền đã và sẽ dùng vào việc đánh bạc của bị cáo Trần Quang T là 8.200.000đ, Nguyễn Thanh T 200.000đ, tổng cộng số tiền tham gia đánh bạc tại thời điểm này, không kể số tiền của Lê Minh T là 8.400.000đ. Sau đó, có sự tham gia của các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Lương Quang H, Lê Viết Thành T cùng đánh bạc với Lê Minh T. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định "Trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau thì việc xác định tiền, giá trị hiện vật dùng đánh bạc đối với từng người đánh bạc là tổng số tiền, giá trị hiện vật của những người cùng đánh bạc". Trong vụ án này, ngoài bị cáo Lê Minh T thì có 13 bị cáo khác tham gia đánh bạc, nhưng do bị cáo Lê Minh T rời khỏi chiếu bạc trước khi bị bắt quả tang, sau khi bị cáo Lê Minh T rời khỏi chiếu bạc thì có các bị cáo khác vào tham gia thêm, Lê Minh T không tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo này nên căn cứ vào quy định trên Hội đồng xét xử không xác định số tiền đánh bạc của Lê Minh T là 22.609.000đ mà xác định số tiền bị cáo Lê Minh T tham gia đánh bạc là tổng số tiền những người cùng đánh bạc với bị cáo Lê Minh T gồm số tiền các bị cáo Trần Quang T, Nguyễn Thanh T, Lê Viết Thành T, Nguyễn Lương Quang H, Trần Quang T đã và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc được xác định là 11.010.000đ. Bị cáo Lê Minh T không thừa nhận hành vi đánh bạc của mình, bị cáo không bị bắt quả tang nên không thể xác định được cụ thể số tiền bị cáo Lê Minh T dùng vào việc đánh bạc để cộng vào tang số đánh bạc chung.

Như vậy, với hành vi và tang số nêu trên, bị cáo Lê Minh T đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng số 04/CT-VKS-HTh ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố đối với bị cáo Lê Minh T là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T tuyên bố bị cáo Lê Minh T không cấu thành tội " Đánh bạc".

[5]. Hành vi đánh bạc trái phép thắng, thua bằng tiền của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự xã hội, xâm phạm đến nếp sống văn minh xã hội; gây mất an ninh trật tự tại khu vực Sân bay Quốc tế P; các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc của mình là vi phạm phạm luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[6]. Đây là vụ án đồng phạm có nhiều bị cáo tham gia, nhưng không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ; Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, các bị cáo cùng nhau thống nhất ý chí tham gia đánh bạc với nhau, tuy nhiên, tính chất hành vi đánh bạc của các bị cáo không mang tính sát phạt cao. Trong đó, bị cáo Trần Quang T là người làm cái, số tiền dùng để đánh bạc lớn nhất trong đồng phạm nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Đối với các bị cáo còn lại đều là người trực tiếp đánh bạc, Hội đồng xét xử phân hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo căn cứ vào thời gian tham gia đánh bạc, số tiền của các bị cáo tham gia đánh bạc để quyết định hình phạt.

[7]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều không phạm vào tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo Trần Quang T, Trần Duy H, Lê Viết Thành T, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn T, Nguyễn Nhật T, Lê Văn Đ, Nguyễn Thanh T, Doãn Đức D, Trần Phước H, Lê Quang T, Nguyễn Việt A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo Trần Phước H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "Đầu thú" được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Ngô Tá S được hưởng tình tiết giảm nhẹ là quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối, mẹ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Lê Minh T được hưởng tính tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[8]. Xét các căn cứ quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Bị cáo Trần Quang T là người làm cái để cho các bị cáo khác đánh bạc; bị cáo Trần Quang T tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang, số tiền bị cáo sử dụng đánh bạc lớn nhất trong số các đồng phạm nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung, để bị cáo có thời gian cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

- Đối với bị cáo Trần Phước H, mặc dù bị cáo tham gia sau, số tiền dùng vào việc đánh bạc ít nhưng do bị cáo có hành vi bỏ trốn bị truy nã, hiện đang bị tạm giam nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, đã bị tạm giữ, tạm giam một thời gian, bị cáo có thái độ ăn năn hối cải nên xét cần áp dụng

mức hình phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

- Đối với bị cáo Trần Duy H, Ngô Tá S, Lê Viết Thành T là người tham gia tích cực, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc cao hơn các bị cáo còn lại, bị cáo H có tham gia làm cái. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo H và bị cáo T đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Ngô Tá S mặc dù từng bị kết án nhưng kể từ khi xóa án tích cho đến khi phạm tội lần này là đã quá 06 tháng, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, có nơi cư trú và nơi làm việc rõ ràng, đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thì các bị cáo đều có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để giao bị cáo Trần Duy H, Ngô Tá S, Lê Viết Thành T cho chính quyền địa phương quản lý cũng có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T tham gia ngày từ đầu, bị cáo Nguyễn Lương Quang H cũng có thời gian tham gia đánh bạc dài và số tiền tham gia cao hơn các bị cáo còn lại. Xét các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Lương Quang H đều có thu nhập thấp từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ, đảm bảo cho cuộc sống hàng ngày nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Việt A; Nguyễn T, Nguyễn Nhật T, Lê Văn Đ, Doãn Đức D và Lê Quang T tham gia vụ án với vai trò thứ yếu, không đáng kể; tham gia đánh bạc sau, số tiền tham gia đánh bạc ít; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

- Đối với bị cáo Lê Minh T có tham gia đánh bạc từ đầu nhưng bị cáo về trước, tang số đánh bạc thấp hơn các bị cáo khác, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[9]. Về hình phạt bổ sung: *Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: " Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng",* Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo: Trần Quang T, Trần Duy H, Lê Viết Thành T, Ngô Tá S Nguyễn Thanh T, Nguyễn Lương Quang H để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[10]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 22.609.000đ thu tại chiếu bạc và trong người các bị cáo được sử dụng để đánh bạc nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 máy tính bảng hiệu Huawei màu trắng xám là tài sản gắn trên xe Taxi của Công ty Taxi TC H, Công ty Taxi TC H không biết việc các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần trả lại; 01 cục sạc dự phòng màu vàng và 01 dây sạc màu trắng của bị cáo Nguyễn Thanh T được sử dụng là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước

- Đối với 01 ví da màu nâu cho bị cáo Lê Văn Đ và 01 ví da màu đen của bị cáo Trần Quang T là tài sản cá nhân, không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo.

- Đối với số tiền 3.000.000đ thu giữ của bị cáo Trần Dung H, xét đây là số tiền thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bị cáo H, chị Lê Thị T nên cần trả lại. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ 1.500.000đ tiền của bị cáo H để đảm bảo thi hành án, trả lại cho bị cáo chị Lê Thị T số tiền 1.500.000đ; Số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Việt A, số tiền này bị cáo Việt A không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho Nguyễn Việt A số tiền 500.000đ.

- Đối với các xe ô tô của Công ty cổ phần Tacxi TC H, cơ quan Công an đã trả lại cho chủ sơ hữu là có căn cứ pháp luật, không ai có khiếu nại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Quang T (Tên gọi khác: K), Trần Duy H, Lê Viết Thành T, Ngô Tá S, Nguyễn Lương Quang H, Nguyễn Thanh T, Lê Minh Th, Nguyễn T, Nguyễn Nhật T, Lê Văn Đ (Tên gọi khác: C), Doãn Đức D, Trần Phước H, Nguyễn Việt A, Lê Quang T phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Quang T 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2017 cho đến ngày 05/10/2017.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Quang T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Phước H 04 (Bốn) tháng 18 (Mười tám) ngày tù. Bị cáo được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam là 04 (Bốn) tháng 18 (Mười tám) ngày tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ khoản 5 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự: Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo Huy đã bị tạm giam nên trả tự do cho bị cáo Trần Phước H tại phiên tòa.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Duy H 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Duy H cho Ủy ban nhân dân phường Thuận Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Duy H số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Viết Thành T, xử phạt bị cáo Lê Viết Thành T 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Viết Thành T cho Ủy ban nhân dân phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Viết Thành T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Ngô Tá S 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Ngô Tá S cho Ủy ban nhân dân phường An Đông, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Tá S số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Lương Quang H 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2017 đến ngày 27/10/2017 là 41 ngày, được quy đổi thành 123 ngày (04 tháng 03 ngày) cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Lương Quang H còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 07 (Bảy) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Quảng

Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Lương Quang H cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Lương Quang H số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T số tiền 8.000.000đ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Việt A số tiền 8.000.000đ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Quang T số tiền 7.000.000đ để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn Đ số tiền 7.000.000đ để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Doãn Đức D số tiền 6.000.000đ để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn T số tiền 6.000.000đ để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Minh T số tiền 6.000.000đ để nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên xử:

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 22.609.000đ.

- Tịch thu hóa giá nộp Ngân sách nhà nước 01 cục sạc dự phòng màu vàng và 01 dây sạc màu trắng của bị cáo Nguyễn Thanh T.

- Trả lại 02 máy tính bảng hiệu Huawei màu trắng xám cho Công ty cổ phần Taxi TC H. Trả lại 01 ví da màu nâu cho bị cáo Lê Văn Đ và 01 ví da màu đen cho bị cáo Trần Quang T.

- Trả lại cho bị cáo Trần Duy H số tiền 1.500.000đ nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền 1.5000.000đ là phần của bị cáo H để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho chị Lê Thị T số tiền 1.500.000đ. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Việt A số tiền 500.000đ

Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/7/2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thuỷ và Công an thị xã Hương Thủy.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Buộc Trần Quang T, Trần Duy H, Lê Viết Thành T, Ngô Tá S, Nguyễn Lương Quang H, Lê Minh T, Nguyễn T, Nguyễn Nhật T, Lê Văn Đ, Nguyễn Thanh T, Doãn Đức D, Trần Phước H, Nguyễn Việt A, Lê Quang T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;VKSND tỉnh;*
- *VKSND TX. Hương Thuỷ;*
- *Công an TX. Hương Thuỷ;*
- *THADS TX. Hương Thuỷ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Phan Thị Xuân Huế